

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 711/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chuyển tiếp, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024
thành phố Phổ Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 25/01/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Phổ Yên thời kỳ 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 135/TTr-STNMT ngày 26/3/2024; của UBND thành phố Phổ Yên tại Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 04/01/2024 và Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 17/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chuyển tiếp, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Phổ Yên với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung trong năm kế hoạch

Tổng diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2024 là 1,03 ha.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất bổ sung

Tổng diện tích thu hồi đất bổ sung năm 2024 là 0,99 ha.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2024 là 0,99 ha.

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Danh mục các công trình, dự án

Tổng số công trình, dự án thực hiện bổ sung năm 2024 là 03 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 1,03 ha. Trong đó:

- 01 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2024, với diện tích sử dụng đất là 0,04 ha.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

- 02 công trình, dự án đăng ký bổ sung mới năm 2024, với diện tích sử dụng đất là 0,99 ha.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân thành phố Phổ Yên có trách nhiệm:

1. Công bố công khai bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện bổ sung kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

Phụ lục I

Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2024 thành phố Phổ Yên

(Kèm theo Quyết định số: 711/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
			Phường Ba Hàng	Phường Bắc Sơn	Phường Bãi Bông	Phường Đồng Tiến	Phường Đắc Sơn	Phường Đông Cao	Phường Hồng Tiến	Xã Minh Đức	Phường Nam Tiến	Xã Phúc Tân	Xã Phúc Thuận	Phường Tân Hương	Phường Tân Phú	Xã Thành Công	Phường Thuận Thành	Phường Tiên Phong	Phường Trung Thành	Xã Vạn Phái
	TỔNG CỘNG	1,03	-	-	-	-	-	0,04	-	-	-	-	0,99	-	-	-	-	-	-	-
1	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	-																		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	-																		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	-																		
1.4	Đất rừng phòng hộ	-																		
1.5	Đất rừng đặc dụng	-																		
1.6	Đất rừng sản xuất	-																		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	-																		

1.8	Đất nông nghiệp khác	-																	
2	Đất phi nông nghiệp	1,03	-	-	-	-	-	0,04	-	-	-	-	0,99	-	-	-	-	-	-
2.1	Đất ở nông thôn	-																	
2.2	Đất ở đô thị	0,04					0,04												
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	-																	
2.4	Đất an ninh	-																	
2.5	Đất quốc phòng	-																	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	0,99										0,99							
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	-																	
2.8	Đất có mục đích công cộng	-																	
2.9	Đất cơ sở tôn giáo	-																	
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng	-																	

Phụ lục II

Kế hoạch thu hồi đất bổ sung năm 2024 thành phố Phổ Yên

(Kèm theo Quyết định số: 711/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																		
			Phường Ba Hàng	Phường Bắc Sơn	Phường Bãi Bông	Phường Đồng Tiến	Phường Đắc Sơn	Phường Đông Cao	Phường Hồng Tiến	Xã Minh Đức	Phường Nam Tiến	Xã Phúc Tân	Xã Phúc Thuận	Phường Tân Hương	Phường Tân Phú	Xã Thành Công	Phường Thuận Thành	Phường Tiên Phong	Phường Trung Thành	Xã Vạn Phái	
	TỔNG CỘNG	0,99	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,99	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đất nông nghiệp	0,99	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,99	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	0,29											0,29								
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	-																			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	0,70											0,70								
1.4	Đất rừng phòng hộ	-																			
1.5	Đất rừng đặc dụng	-																			
1.6	Đất rừng sản xuất	-																			

CÔNG BÁO THÁI NGUYÊN/Số 20 + 21/Ngày 15-4-2024

	đích công công																			
2.9	Đất cơ sở tôn giáo	-																		
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng	-																		
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	-																		
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	-																		
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng	-																		
2.14	Đất phi nông nghiệp khác	-																		
3	Đất chưa sử dụng	-																		

Phụ lục III

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2024 thành phố Phổ Yên

(Kèm theo Quyết định số: 711 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
			Phường Ba Hàng	Phường Bắc Sơn	Phường Bãi Bông	Phường Đồng Tiến	Phường Đắc Sơn	Phường Đông Cao	Phường Hồng Tiến	Xã Minh Đức	Phường Nam Tiến	Xã Phúc Tân	Xã Phúc Thuận	Phường Tân Hương	Phường Tân Phú	Xã Thành Công	Phường Thuận Thà nh	Phường Tiên Phong	Phường Trung Thành	Xã Vạn Phái
	TỔNG CỘNG	0,99	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,99	-	-	-	-	-	-	-
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	0,99	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,99	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	0,29											0,29							
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	-																		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	0,70											0,70							
1.4	Đất rừng phòng hộ	-																		
1.5	Đất rừng đặc dụng	-																		
1.6	Đất rừng sản xuất	-																		

1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	-																		
1.8	Đất nông nghiệp khác	-																		
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>																			
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	-																		
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	-																		
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	-																		
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm	-																		

Phụ lục IV**Danh mục 01 công trình, dự án chuyển tiếp
sang thực hiện năm 2024 trên địa bàn thành phố Phổ Yên**

(Kèm theo Quyết định số: 711/QĐ-UBND ngày 3 tháng 4 năm 20234
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		0,99	0,29			0,70
1	Nhà văn hóa xóm Coong Lặng	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,29	0,29			
2	Sân vận động thể thao xã Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,70				0,70